DỰ BÁO BIẾN ĐỘNG GIÁ HÀNG HÓA NĂM 2027 VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM DỰA VÀO BÁO CÁO CỦA WORLD BANK

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ VĨ MÔ – HÀNG HÓA | THÁNG 10/2026

Ngày phát hành: 29/10/2026

Mốc dữ liệu cập nhật đến: hết ngày 28/10/2026

Tài liệu nền: World Bank – Commodity Markets Outlook, tháng 10/2026 (Executive Summary)

VietinBank Securities (VBSE/CTS)

Phòng Nghiên cứu Phân tích & Phát triển Sản phẩm

Tài liệu phục vụ mục đích tham khảo — Không phải khuyến nghị đầu tư cá nhân hóa

PHẦN 1 — TÓM TẮT ĐIỂM NHẤN

World Bank (WB) dự báo chỉ số giá hàng hóa thế giới **tăng 23% trong năm 2026** – mức cao thứ hai kể từ 2013 – trước khi **giảm 7% trong năm 2027**. Giá Brent bình quân dự báo đi từ **91 USD/thùng (2026) về 79 USD/thùng (2027)**, giá phân bón quay về quanh mức 2025, chỉ số kim loại – khoáng sản giảm nhẹ 3%; ngược lại, giá lương thực – thực phẩm **tiếp tục tăng 7%** do El Niño mạnh nhất kể từ 1950 và gián đoạn xuất khẩu ngũ cốc qua Biển Đen. Với nhà đầu tư Việt Nam, năm 2027 vì vậy là năm **"năng lượng hạ nhiệt – nông sản nóng lên"**, tạo ra sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm ngành.

Ba thông điệp hành động mà nhà đầu tư cần nắm:

ĐIỂM NHẤN 1: Lạm phát Việt Nam 2027 có dư địa hạ nhiệt

CPI tháng 9/2026 tăng **5,08% YoY** (bình quân 9 tháng **4,52%**), trong đó giá nhiên liệu tăng **23,96% YoY**. Nếu kịch bản cơ sở của WB diễn ra, kênh năng lượng chuyển từ đóng góp dương sang âm, giúp CPI bình quân 2027 lùi về **3,8%–4,3%** (ước tính VBSE), thấp hơn mục tiêu **khoảng 4,5%** mà Trung ương thống nhất cho năm 2027. Đáy lạm phát so cùng kỳ nhiều khả năng rơi vào **Quý II–III/2027** do hiệu ứng nền cao của giá xăng dầu tháng 3–9/2026.

ĐIỂM NHẤN 2: Dòng tiền xoay từ "người bán hàng hóa" sang "người dùng hàng hóa"

Nhóm hưởng lợi rõ nhất là **hàng không (HVN, VJC)**, **nhựa (BMP, NTP)** và **thép – xây dựng (HPG, CTD, VCG)** nhờ chi phí đầu vào giảm. Nhóm chịu áp lực là **lọc hóa dầu (BSR)**, **khí – phân phối xăng dầu (GAS, PLX)** và **phân đạm (DPM, DCM, DHB)** khi lợi nhuận 2026 được tạo ra trên nền giá bán đỉnh chu kỳ.

ĐIỂM NHẤN 3: Nông sản là ngoại lệ – lợi thế cho nhà xuất khẩu gạo, đường

WB nâng dự báo giá **gạo 2027 thêm 21%**, **đường thêm 12%**, **dầu cọ thêm 15%** so với bản tháng 4/2026. Doanh nghiệp đường (**SBT, QNS, LSS**) và xuất khẩu gạo (**VSF**) hưởng lợi; doanh nghiệp chăn nuôi – thức ăn chăn nuôi (**DBC, BAF**) và thực phẩm – đồ uống dùng nông sản nhập khẩu (**KDC, VNM, SAB**) chịu áp lực biên lợi nhuận.

Bảng 1. Ma trận tác động tổng hợp năm 2027

Hàng hóa	Xu hướng giá 2027 (WB)	Tác động CPI VN 2027	Top 5 hưởng lợi	Top 5 thiệt hại
Dầu thô / năng lượng	Brent 79 USD/thùng (−13%); năng lượng −12%	Giảm 0,50–0,72 điểm %	HVN, VJC, BMP, NTP, DRC	BSR, GAS, PLX, PVD, PVS
Phân bón	Về quanh mức 2025 (≈ −12%)	Giảm 0,03–0,06 điểm %	GVR, PHR, DPR, TRC, HAG	DPM, DCM, DHB, BFC, LAS
Nông sản	Lương thực – thực phẩm +7%; ngũ cốc +9%	Đóng góp +1,6–2,0 điểm % (2026: ~1,76)	VSF, SBT, QNS, LSS, PAN	DBC, BAF, KDC, VNM, SAB
Kim loại & khoáng sản	Chỉ số −3%; đồng neo cao, quặng sắt yếu	Giảm 0,10–0,20 điểm %	HPG, CTD, VCG, HHV, PNJ	KSV, MSR, SMC, TLH, NKG

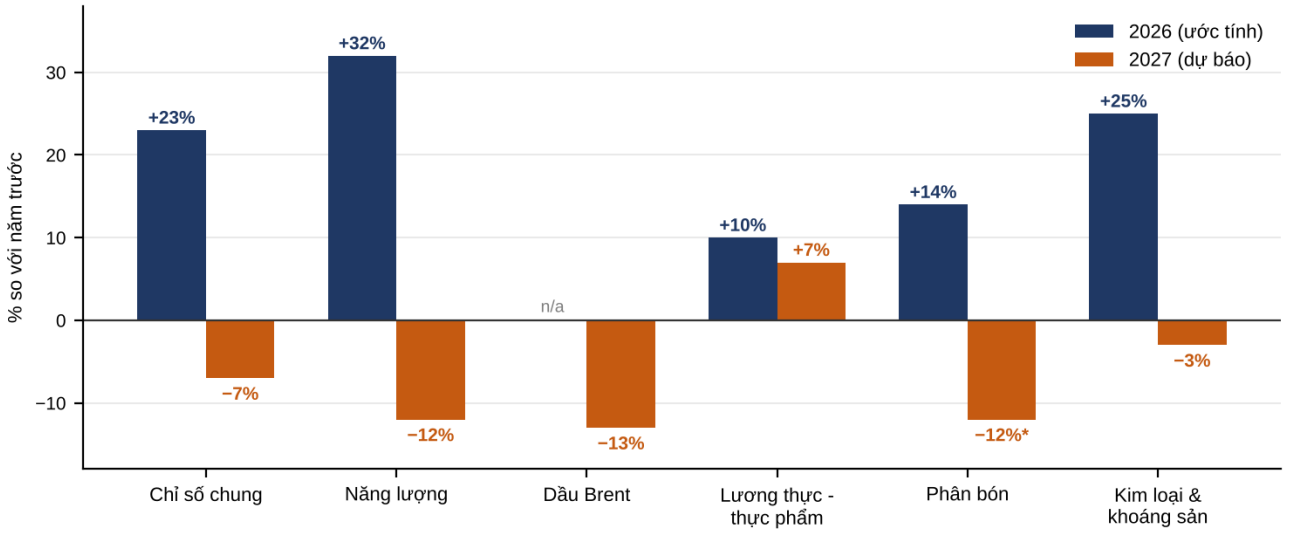
Nguồn: World Bank (CMO 10/2026), Cục Thống kê – Bộ Tài chính, FiinX, VBSE Research tổng hợp & ước tính. Tác động CPI là ước tính của VBSE theo quyền số năm gốc 2024 (chi tiết tại Phần 3).

PHẦN 2 — TỔNG HỢP DỰ BÁO GIÁ HÀNG HÓA 2027 CỦA WORLD BANK

Phần này tóm tắt chuyên sâu báo cáo **Commodity Markets Outlook (CMO) tháng 10/2026 – Executive Summary** của WB, tập trung vào bốn nhóm hàng hóa: dầu, phân bón, nông sản, kim loại – khoáng sản. Toàn bộ số liệu trong phần này lấy từ tài liệu gốc; nhận định bổ sung của VBSE được ghi rõ.

2.1. Bối cảnh: thị trường hàng hóa chịu nhiều cú sốc cộng hưởng

Xung đột Trung Đông gây cú sốc lịch sử với nguồn cung năng lượng; song song là xung đột Nga – Ukraine cản trở xuất khẩu ngũ cốc qua Biển Đen và hạn chế sản lượng dầu diesel của Nga, cùng hiện tượng **El Niño rất mạnh** đe dọa sản xuất nông nghiệp. Sản lượng dầu toàn cầu năm 2026 dự kiến giảm hơn 5% – mức giảm lớn nhất trong hơn bốn thập kỷ (ngoài năm 2020); Brent chạm khoảng **110 USD/thùng giữa tháng 10/2026**. Giả định của kịch bản cơ sở: (1) không leo thang xung đột Trung Đông, (2) năng lực xuất khẩu dầu của Nga phục hồi, (3) ràng buộc vận chuyển lương thực qua Biển Đen giảm, (4) thiệt hại mùa vụ do El Niño ở mức kiểm soát được.



Hình 1. Biến động giá hàng hóa theo nhóm, 2026–2027 (% so với năm trước). Nguồn: World Bank CMO 10/2026. (*) Phân bón 2027: WB dự báo "quay về khoảng mức 2025"; mức −12% do VBSE quy đổi từ mức tăng 14% của năm 2026.

2.2. Dầu thô và năng lượng

- **Giá:** Năng lượng **+32% năm 2026**, sau đó **−12% năm 2027**. Brent bình quân **91 USD/thùng (2026)**, gần **100 USD/thùng trong Quý IV/2026**, giảm về **79 USD/thùng (2027)**. Dự báo 2027 đã được nâng **14%** so với bản tháng 4/2026.
- **Cung – cầu:** Cung dầu toàn cầu 2026 giảm **5,5 triệu thùng/ngày (−5,2%)**; cầu giảm **2,6 triệu thùng/ngày (−2,5%)** – mức giảm lớn thứ ba trong lịch sử. Năm 2027, sản lượng dự kiến đạt **khoảng 106 triệu thùng/ngày**, đưa thị trường về **trạng thái dư cung đáng kể từ Quý II/2027**.
- **Sản phẩm lọc dầu:** Giá diesel, nhiên liệu bay tăng mạnh hơn dầu thô do nhà máy lọc dầu Trung Đông và Nga bị hư hại; xuất khẩu diesel ròng của Nga và Trung Đông giảm khoảng **60% YoY** trong tháng 9/2026. Công suất lọc dầu chỉ phục hồi về mức trước xung đột **khoảng giữa năm 2027**.
- **Khí và than:** Giá khí châu Âu **+58% năm 2026 (19 USD/mmbtu)**, chỉ giảm **8%** năm 2027 (17,5 USD/mmbtu) do nguồn LNG tại Qatar bị hư hại. Giá than **+25% năm 2026**, **−4% năm 2027**.

KEY TAKEAWAYS – DẦU & NĂNG LƯỢNG

› Giá dầu 2027 giảm nhưng vẫn **cao hơn mặt bằng 2025**; dự báo đã bị nâng mạnh so với tháng 4 – rủi ro nghiêng về phía tăng.

› Chênh lệch giá sản phẩm – dầu thô (crack spread) **chỉ thu hẹp từ nửa cuối 2027**, nên lợi ích chi phí với hãng bay, vận tải sẽ dồn vào nửa sau năm.

› Giá năng lượng hạ là **kênh giảm lạm phát chủ đạo** của năm 2027 (WB: lạm phát năng lượng toàn cầu chuyển âm khoảng Quý II/2027).

2.3. Phân bón

- **2026:** Giá phân bón bình quân **+14%**, chủ yếu do urê tăng vọt đầu năm; urê đã hạ nhiệt trong Quý III/2026 khi **Trung Quốc đẩy mạnh xuất khẩu**, trong khi **DAP tiếp tục tăng** và kali (potash) vẫn ở mặt bằng cao.
- **2027:** Giá phân bón dự báo **quay về khoảng mức năm 2025**, dựa trên giả định chi phí năng lượng giảm và khả năng tiếp cận nguyên liệu amoniac, lưu huỳnh được cải thiện.
- **Hành vi nông dân:** Nông dân đã chuyển hướng khỏi các loại phân bón đắt đỏ trong năm 2026 – yếu tố hạn chế đà tăng giá.

KEY TAKEAWAYS – PHÂN BÓN

› Chu kỳ giá phân bón **đã qua đỉnh** (Quý II/2026); năm 2027 là năm **chuẩn hóa lợi nhuận** của nhà sản xuất urê.

› Chi phí đầu vào nông nghiệp giảm là **lực đỡ biên lợi nhuận** cho doanh nghiệp trồng trọt, đồn điền.

› Trung Quốc là **"van điều tiết" nguồn cung urê** – hạn ngạch xuất khẩu của nước này là biến số cần theo dõi.

2.4. Nông sản

- **Lương thực – thực phẩm: +10% năm 2026**, tiếp tục **+7% năm 2027**, dẫn dắt bởi **ngũ cốc +9%** (gạo châu Á, lúa mì toàn cầu) và **dầu & bột +8%** (sản phẩm từ đậu tương, nhu cầu thức ăn chăn nuôi và nhiên liệu sinh học). Giá ngũ cốc toàn cầu đã tăng **14%** từ tháng 6 đến tháng 9/2026.
- **Điều chỉnh do El Niño:** Dự báo 2027 được nâng: **dầu cọ +15%** (Indonesia khô hạn), **gạo +21%**, **đường +12%**, **ca cao gần +30%** so với bản tháng 4/2026.
- **Đồ uống:** Giảm **24% năm 2026** khi sản lượng ca cao, cà phê phục hồi; ổn định năm 2027 (cà phê giảm bù trừ ca cao tăng). Chỉ số nông nghiệp chung **+5% năm 2027**.
- **Lực cân bằng:** Tổng nguồn cung ngũ cốc niên vụ 2026–27 vẫn **lớn hơn 3%** so với niên vụ 2024–25, giúp tác động El Niño ở cấp toàn cầu "có thể kiểm soát", dù có thể gây đột biến giá cục bộ.

KEY TAKEAWAYS – NÔNG SẢN

› Nông sản là **nhóm hàng hóa duy nhất tiếp tục tăng giá** năm 2027 – đi ngược xu hướng chung.

› Gạo, đường, dầu cọ là ba mặt hàng **bị nâng dự báo mạnh nhất** – liên quan trực tiếp đến Việt Nam (xuất khẩu gạo; nhập khẩu dầu cọ, đường).

› Chi phí thức ăn chăn nuôi (ngô, khô đậu tương) tăng là **rủi ro biên lợi nhuận** cho chuỗi chăn nuôi.

2.5. Kim loại và khoáng sản

- **2026:** Chỉ số kim loại – khoáng sản (không gồm kim loại quý) lập **đỉnh mới, +25%**; nhôm, đồng, thiếc đều chạm kỷ lục do gián đoạn nguồn cung và nhu cầu từ chuyển dịch năng lượng, trung tâm dữ liệu.
- **2027:** Chỉ số **giảm 3%** khi nguồn cung kim loại cơ bản cải thiện và công suất mới đi vào vận hành. **Ngoại lệ là đồng**: nguồn cung mỏ tăng chậm (hàm lượng quặng tại Chile suy giảm). **Quặng sắt** tiếp tục kéo chỉ số xuống do đầu tư xây dựng truyền thống ở Trung Quốc yếu.
- **Kim loại quý: +40% năm 2026** (vàng, bạc, bạch kim 9 tháng tăng lần lượt 42%, 71%, 110%); dự kiến **giảm nhẹ năm 2027** khi lãi suất các nền kinh tế phát triển tăng, nhưng vẫn **cao hơn 3 lần** bình quân 2015–2019.

KEY TAKEAWAYS – KIM LOẠI & KHOÁNG SẢN

› Năm 2027 là **"hạ nhiệt có kiểm soát"**, không phải đảo chiều: giá vẫn ở vùng cao trung hạn nhờ năng lượng tái tạo, xe điện, AI.

› Quặng sắt yếu có lợi cho **nhà sản xuất thép lò cao** và **chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng**.

› Doanh nghiệp khai khoáng có lợi nhuận 2026 tăng đột biến sẽ đối mặt **nền so sánh cao** trong 2027.

2.6. Rủi ro và kịch bản bất lợi

WB đánh giá rủi ro **nghiêng về phía tăng giá**. Trong kịch bản bất lợi – xung đột Trung Đông tái leo thang làm cung dầu vùng Vịnh giảm khoảng **5 triệu thùng/ngày** trong nửa đầu 2027 và xuất khẩu dầu của Nga bị kìm ở mức Quý III/2026 – Brent bình quân **105 USD/thùng năm 2027** (cao hơn 15% so với 2026 và 33% so với kịch bản cơ sở). Kết hợp El Niño cực đoan và gián đoạn ngũ cốc Biển Đen, giá lương thực 2027 có thể **cao hơn kịch bản cơ sở 12%** (ngũ cốc cao hơn 20%), vượt cả mức năm 2022. Chiều ngược lại, một giải pháp bền vững cho xung đột Trung Đông hoặc tăng trưởng toàn cầu suy yếu (bao gồm kịch bản suy giảm đầu tư vào AI) sẽ kéo giá năng lượng và kim loại xuống nhanh hơn dự báo.

HÀM Ý CHÍNH SÁCH (THEO WB)

› Năng lượng đang đóng góp khoảng **1 điểm %** vào lạm phát nhóm G7; Fed và ECB đã chuyển sang tăng lãi suất – áp lực dòng vốn rút khỏi các nền kinh tế mới nổi.

› Lạm phát lương thực trung vị của các nền kinh tế mới nổi tăng lên **3,9% YoY** trong Quý III/2026 và có thể tiếp tục tăng.

› Các biện pháp hạn chế thương mại hàng hóa (xuất khẩu nhiên liệu, phân bón) có xu hướng **khuếch đại** cú sốc giá toàn cầu.

PHẦN 3 — TÁC ĐỘNG ĐẾN LẠM PHÁT VIỆT NAM NĂM 2027

3.1. Rổ CPI cập nhật đến cuối tháng 10/2026

Từ kỳ công bố tháng 11/2025, Cục Thống kê (Bộ Tài chính) tính CPI theo **năm gốc 2024** với **775 mặt hàng** (giai đoạn trước: 752 mặt hàng, năm gốc 2019), quyền số xây dựng từ Khảo sát mức sống hộ dân cư 2024 (khoảng 62.000 hộ). Theo Nghị định 13/2026/NĐ-CP, CPI được công bố vào **ngày 03 của tháng kế tiếp**; do đó, tại thời điểm 28/10/2026, số liệu chính thức mới nhất là **CPI tháng 9/2026** (công bố 03/10/2026), còn CPI tháng 10/2026 sẽ công bố ngày **03/11/2026**.

Nhóm hàng (năm gốc 2024)	Quyền số (%)	T9/2026 YoY (%)	BQ 9T/2026 (%)	Đóng góp 9T (điểm %)	Kênh hàng hóa liên quan
I. Hàng ăn & DV ăn uống	35,82	4,44	4,72	1,69	Nông sản, phân bón (gián tiếp)
– Lương thực	4,15	0,81	0,70	0,03	Gạo, ngũ cốc, phân bón
– Thực phẩm	22,32	3,89	4,47	≈1,00	Thức ăn chăn nuôi, dầu ăn, đường
– Ăn uống ngoài gia đình	9,35	7,40	7,14	≈0,67	Nông sản + năng lượng (vòng 2)
II. Đồ uống & thuốc lá	1,75	4,33	3,74	0,07	Đường, ngũ cốc (malt), nhôm
III. May mặc, mũ nón, giày dép	3,52	2,19	2,05	0,07	Sợi tổng hợp (dầu) – yếu
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD	22,70	6,47	6,68	1,52	Gas, dầu hỏa; thép, VLXD
V. Thiết bị & đồ dùng gia đình	5,14	3,27	2,84	0,15	Kim loại (đồng, nhôm, thép)
VI. Thuốc & dịch vụ y tế	4,66	1,47	1,12	0,05	Không đáng kể
VII. Giao thông	9,98	11,67	6,06	0,60	Xăng dầu (nhiên liệu ~4% rổ)
VIII. Thông tin & truyền thông	3,74	0,33	0,12	≈0,00	Không đáng kể
IX. Giáo dục	5,97	2,93	3,35	0,20	Không đáng kể
X. Văn hóa, giải trí & du lịch	3,14	3,42	2,78	0,09	Năng lượng (vé máy bay, tour)
XI. Hàng hóa & dịch vụ khác	3,58	5,82	4,61	0,17	Vàng (đồ trang sức)
CPI CHUNG	100,00	5,08	4,52	4,52	Lạm phát cơ bản 9T: 4,26%

Nguồn: Cục Thống kê – Thông cáo báo chí giá tháng 9, Quý III và 9 tháng 2026; Phương án điều tra giá tiêu dùng 2025–2030 (năm gốc 2024); FiinX. Đóng góp của tiểu nhóm có ký hiệu "≈" do VBSE ước tính (quyền số × mức tăng giá).

3.2. Giải thích tác động của từng nhóm hàng hóa đến rổ CPI

(1) Dầu thô – kênh tác động mạnh nhất, chiều giảm

Kênh truyền dẫn: Trực tiếp qua **nhiên liệu** (xăng, diesel – khoảng **4%** rổ CPI, thuộc nhóm Giao thông 9,98%) và **gas, dầu hỏa** (thuộc nhóm Nhà ở); gián tiếp qua cước vận tải, logistics, vé máy bay, giá dịch vụ ăn uống. Năm 2026, nhiên liệu là **động cơ chính đẩy CPI**: tăng **23,96% YoY** trong tháng 9 và **10,89%** bình quân 9 tháng; riêng tháng 9 nhóm Giao thông tăng **3,97% MoM**, làm CPI tăng **0,40 điểm %**.

Đánh giá 2027: Brent giảm 13% (91 → 79 USD/thùng) và crack spread thu hẹp (BSR dự báo bình quân **23 USD/thùng** năm 2027, giảm 28% so với khoảng 32 USD/thùng năm 2026) khiến giá xăng dầu thành phẩm giảm mạnh hơn dầu thô. Do thuế bảo vệ môi trường và chi phí định mức là cấu phần cố định, VBSE giả định giá bán lẻ trong nước **giảm 10%–13%**, tương ứng tác động **trực tiếp −0,40 đến −0,52 điểm %** và **gián tiếp −0,10 đến −0,20 điểm %** lên CPI 2027. Mức này nhất quán với độ nhạy do Bộ trưởng Bộ Tài chính đưa ra (giá dầu thô tăng 10% làm lạm phát tăng khoảng 0,5 điểm %).

Mức độ tác động: Rất mạnh (chiều giảm CPI)

(2) Phân bón – tác động gián tiếp, có độ trễ

Kênh truyền dẫn: Phân bón **không nằm trong rổ CPI** mà tác động qua chi phí sản xuất lúa, rau màu, cây ăn quả → giá **lương thực (4,15%)** và **thực phẩm tươi sống (22,32%)**, với độ trễ 1–2 vụ. Giá urê Phú Mỹ bình quân Quý III/2026 khoảng **12.129 đồng/kg**, đã giảm 26% so với Quý II.

Đánh giá 2027: Giá phân bón quay về mức 2025 (≈ −12%) giúp chi phí canh tác giảm khoảng 2%–3%, kìm đà tăng giá lương thực. Tác động ước tính **−0,03 đến −0,06 điểm %** – nhỏ về quy mô nhưng **làm giảm bớt** áp lực từ giá gạo thế giới.

Mức độ tác động: Nhẹ (chiều giảm CPI)

(3) Nông sản – kênh đẩy CPI duy nhất trong năm 2027

Kênh truyền dẫn: Nhóm Hàng ăn & dịch vụ ăn uống chiếm **35,82%** rổ CPI – quyền số lớn nhất – và đã đóng góp **1,69 điểm %** trong mức tăng CPI 9 tháng 2026. Gạo trong nước biến động theo giá xuất khẩu; giá thịt lợn, gia cầm phụ thuộc chi phí thức ăn chăn nuôi (ngô, khô đậu tương nhập khẩu); dầu ăn phụ thuộc giá dầu cọ, dầu đậu tương.

Đánh giá 2027: Với ngũ cốc +9%, dầu & bột +8%, gạo được nâng dự báo 21%, VBSE giả định giá lương thực trong nước **+5% đến +8%**, thực phẩm **+3,5% đến +5%**, ăn uống ngoài gia đình **+5% đến +6%**. Đóng góp của nhóm vào CPI 2027 ước **+1,6 đến +2,0 điểm %**, tương đương hoặc cao hơn mức khoảng 1,76 điểm % của năm 2026 – tức nông sản **bù trừ một phần** hiệu ứng giảm từ năng lượng.

Mức độ tác động: Mạnh (chiều tăng CPI)

(4) Kim loại và khoáng sản – hạ nhiệt chi phí vật liệu

Kênh truyền dẫn: Vật liệu xây dựng, vật liệu bảo dưỡng nhà ở (thuộc nhóm Nhà ở 22,7%), đồ dùng bằng kim loại (nhóm Thiết bị gia đình 5,14%) và đồ trang sức (nhóm Hàng hóa khác 3,58%). Năm 2026, vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng **13,07%** bình quân 9 tháng; đồ trang sức tăng theo giá vàng (chỉ số giá vàng 9 tháng **+42,67%**, chỉ số này không tính vào CPI).

Đánh giá 2027: Chỉ số kim loại −3%, quặng sắt yếu và kim loại quý giảm nhẹ giúp mức tăng giá vật liệu chậm lại. Tác động ước tính **−0,10 đến −0,20 điểm %**; đồng neo cao là yếu tố hạn chế mức giảm với thiết bị điện gia dụng.

Mức độ tác động: Trung bình (chiều giảm CPI)

3.3. Tổng hợp và kịch bản lạm phát 2027

Kênh hàng hóa	Quyền số liên quan	Giả định giá trong nước 2027	Tác động CPI 2027 (điểm %)	Mức độ
Dầu thô / năng lượng	~4% trực tiếp + gián tiếp	Xăng dầu bán lẻ −10% đến −13%	−0,50 đến −0,72	**Rất mạnh**
Phân bón	Gián tiếp qua 26,47%	Chi phí canh tác −2% đến −3%	−0,03 đến −0,06	**Nhẹ**
Nông sản	37,57% (gồm đồ uống)	Lương thực +5%/+8%; thực phẩm +3,5%/+5%	+1,6 đến +2,0 (đóng góp)	**Mạnh**
Kim loại & khoáng sản	VLXD, thiết bị GĐ, trang sức	Tăng chậm lại so với 2026	−0,10 đến −0,20	**Trung bình**

Kịch bản	Giả định chính	CPI bình quân 2027 (VBSE)
Cơ sở (WB baseline)	Brent 79 USD/thùng; lương thực +7%; phân bón về mức 2025	3,8% – 4,3%
Bất lợi (WB adverse)	Brent 105 USD/thùng; lương thực cao hơn cơ sở 12%, ngũ cốc cao hơn 20%	5,3% – 5,8%
Thuận lợi	Xung đột Trung Đông kết thúc bền vững; Brent < 70 USD/thùng	3,2% – 3,6%

Tham chiếu: mục tiêu CPI 2027 khoảng 4,5% (Hội nghị Trung ương 4 khóa XIV, 08/10/2026); ADB (ADO 9/2026) dự báo 4,0%. Kịch bản là ước tính của VBSE, đã bao gồm các cấu phần ngoài hàng hóa (giá dịch vụ công, tiền lương, tín dụng).

KẾT LUẬN PHẦN 3

- Hàng hóa **hỗ trợ giảm lạm phát ròng** trong năm 2027: năng lượng, phân bón, kim loại kéo giảm khoảng 0,6–1,0 điểm %, nông sản giữ đóng góp dương cao.
- Đường đi CPI so cùng kỳ có dạng **"chữ V nông"**: giảm mạnh Quý II–III/2027 (nền cao xăng dầu 2026), nhích lên cuối năm theo giá lương thực.
- Dư địa giữ lãi suất điều hành ổn định là **điểm tích cực cho định giá cổ phiếu**; rủi ro lớn nhất là kịch bản bất lợi đẩy CPI vượt 5%.

PHẦN 4 — TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Danh sách top 5 hưởng lợi/thiệt hại được lựa chọn theo ba tiêu chí: (1) **độ nhạy lợi nhuận** với giá hàng hóa (tỷ trọng chi phí/doanh thu gắn với hàng hóa), (2) **vị thế chu kỳ** – nền lợi nhuận 2026 cao hay thấp, (3) **quy mô và thanh khoản** trên HOSE, HNX, UPCoM. Vốn hóa, P/E theo FiinX tại ngày 28/10/2026; lợi nhuận là LNST thuộc cổ đông công ty mẹ lũy kế 6 tháng (6T) hoặc 9 tháng (9T) năm 2026 theo kỳ báo cáo mới nhất có trên FiinX.

4.1. Dầu thô giảm giá (Brent −13%, crack spread thu hẹp)

Giá dầu và sản phẩm lọc dầu giảm chuyển giá trị từ **khâu thượng nguồn – lọc dầu – phân phối** sang **doanh nghiệp dùng nhiên liệu và hạt nhựa**. Lưu ý thời điểm: crack spread chỉ thu hẹp từ giữa 2027, nên lợi ích với hãng bay tập trung vào nửa cuối năm.

Top 5 doanh nghiệp hưởng lợi

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
HVN	HOSE	64,9	13,4	6T: 3.596 (−42,5%)	Nhiên liệu chiếm 35–40% chi phí khai thác; mỗi 1 USD/thùng Jet A1 tương đương ~300 tỷ đồng chi phí/năm. Điểm hòa vốn Jet A1 ~171 USD/thùng (TCBS) trong khi giá tháng 9/2026 ~171–188 USD. Nền lợi nhuận 2026 thấp → phục hồi mạnh nhất.	**Rất mạnh**
VJC	HOSE	101,1	46,5	6T: 1.347 (+4,2%)	Mỗi 1 USD/thùng Jet A1 ≈ 28 tỷ đồng LNTT/quý. Biên gộp vận tải lõi Q1/2026 giảm còn 12,3%; giá nhiên liệu giảm giúp mở rộng biên, P/E cao phản ánh lợi nhuận đang bị nén.	**Mạnh**

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
BMP	HOSE	11,3	9,0	9T: 991 (+2,4%)	Hạt nhựa PVC chiếm phần lớn giá vốn, biến động theo giá dầu và ethylene. Giá đầu vào giảm trong khi giá bán ống nhựa có độ trễ → mở rộng biên gộp.	**Trung bình**
NTP	HNX	10,8	8,8	9T: 1.022	Cùng cơ chế với BMP; hưởng lợi kép từ nhu cầu ống nhựa cho đầu tư công, nhà ở và chi phí PVC/HDPE giảm.	**Trung bình**
DRC	HOSE	1,4	14,5	9T: 63 (−23,3%)	Cao su tổng hợp, than đen (carbon black) là sản phẩm hóa dầu; chi phí giảm trên nền lợi nhuận 2026 thấp → độ nhạy lợi nhuận cao.	**Nhẹ**

Top 5 doanh nghiệp thiệt hại

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
BSR	HOSE	144,0	7,2	9T (ước): 22.900 (×10,6)	Lợi nhuận kỷ lục nhờ crack spread; BSR dự báo crack spread 2027 bình quân 23 USD/thùng (−28%), kèm bảo dưỡng tổng thể ~32 ngày. Vietcap dự báo LNST 2027 −40% YoY.	**Rất mạnh**

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
GAS	HOSE	187,5	14,8	6T: 8.805 (+17,3%)	Giá bán khí khô cho hộ công nghiệp và LPG gắn với giá dầu FO/Brent; Brent giảm 13% kéo giảm doanh thu, lợi nhuận bình quân trên mỗi đơn vị khí.	**Mạnh**
PLX	HOSE	45,7	14,0	6T: 2.037 (+35,8%)	Giá xăng dầu giảm liên tục gây lỗ hàng tồn kho (giá vốn trễ pha) và giảm doanh thu tuyệt đối; lợi nhuận 2026 hưởng lợi từ chênh lệch giá tồn kho khi giá tăng.	**Trung bình**
PVD	HOSE	17,4	15,7	6T: 470 (+19,6%)	Giá thuê giàn khoan khu vực phụ thuộc kế hoạch đầu tư thượng nguồn; Brent về 79 USD làm chậm tăng giá thuê, dù vẫn trên ngưỡng hòa vốn của đa số dự án.	**Trung bình**
PVS	HNX	19,6	9,3	9T: 1.262 (+24,8%)	Hoạt động thượng nguồn (FSO/FPSO, M&C) chịu tâm lý giá dầu; tác động được giảm bớt nhờ backlog Lô B – Ô Môn và điện gió ngoài khơi.	**Nhẹ**

4.2. Phân bón giảm giá (về khoảng mức 2025)

Giá phân bón hạ chuyển lợi ích từ **nhà sản xuất phân bón** sang **doanh nghiệp đồn điền, trồng trọt** – nơi phân bón là một trong các khoản chi phí chăm sóc lớn nhất. Nhà sản xuất urê chịu tác động trực tiếp do giá khí đầu vào tương đối ổn định, giá bán gần như quyết định biên gộp.

Top 5 doanh nghiệp hưởng lợi

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
GVR	HOSE	126,0	18,0	6T: 4.414 (+67,7%)	Quỹ đất cao su lớn nhất Việt Nam; chi phí phân bón giảm cải thiện biên gộp mảng mủ. Lợi nhuận còn phụ thuộc bồi thường đất KCN – tác động phân bón ở mức bổ trợ.	**Trung bình**
PHR	HOSE	7,8	8,4	6T: 643 (+245%)	Cao su thuần, chi phí chăm sóc vườn cây chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn; phân bón rẻ hỗ trợ biên lợi nhuận mảng cốt lõi.	**Nhẹ**
DPR	HOSE	3,3	9,3	9T: 385 (+50,9%)	Cao su Đồng Phú: tỷ trọng doanh thu mủ cao; chi phí đầu vào giảm hỗ trợ lợi nhuận 2027.	**Nhẹ**
TRC	HOSE	2,7	9,7	9T: 246 (+10,6%)	Cao su Tây Ninh: biên lợi nhuận nhạy với chi phí chăm sóc; tình hình tài chính lành mạnh, ít nợ vay.	**Nhẹ**
HAG	HOSE	18,3	5,3	6T: 2.026 (+143%)	Quy mô lớn sầu riêng, chuối, cây ăn trái – nhóm cây trồng thâm canh dùng nhiều phân bón; chi phí giảm hỗ trợ biên gộp mảng nông nghiệp.	**Trung bình**

Top 5 doanh nghiệp thiệt hại

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
DPM	HOSE	14,5	8,2	6T: 1.308 (+115%)	Q2/2026 là quý lãi cao nhất 6 quý nhờ urê đỉnh. Với giá khí ổn định, mỗi 1 điểm % biên gộp ≈ 67–70 tỷ đồng lợi nhuận gộp/quý (TCBS) → giá urê về mức 2025 làm lợi nhuận chuẩn hóa mạnh.	**Rất mạnh**
DCM	HOSE	18,4	7,1	6T: 1.853 (+54,7%)	Xuất khẩu chiếm ~67% doanh thu urê Q2/2026 → nhạy nhất với giá thế giới. Hỗ trợ một phần: dự thảo đưa thuế xuất khẩu urê từ 5% về 0%.	**Mạnh**
DHB	UPCoM	3,2	3,1	9T: 989 (cùng kỳ lỗ 38)	Đạm Hà Bắc (urê từ than) có lợi nhuận 2026 tăng đột biến từ mức lỗ; giá bán giảm trong khi chi phí than không giảm tương ứng → biên co hẹp mạnh.	**Mạnh**
BFC	HOSE	3,3	12,7	9T: 218 (−19,1%)	Số ngày tồn kho 171 ngày (cùng kỳ 41 ngày) với giá vốn cao mua từ Q2/2026 → rủi ro lỗ tồn kho khi giá NPK giảm theo urê.	**Trung bình**
LAS	HNX	1,3	15,2	9T: 67	Supe lân, NPK: giá bán chịu áp lực khi mặt bằng phân bón hạ, trong khi lưu huỳnh, amoniac vẫn cao hơn trước khủng hoảng.	**Nhẹ**

4.3. Nông sản tăng giá (lương thực +7%, ngũ cốc +9%)

Giá nông sản tăng có lợi cho **doanh nghiệp xuất khẩu gạo, sản xuất đường** và bất lợi cho **chuỗi chăn nuôi, thực phẩm – đồ uống** sử dụng ngô, khô đậu tương, dầu cọ, malt nhập khẩu.

Top 5 doanh nghiệp hưởng lợi

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
SBT	HOSE	19,4	22,7	6T: 480 (+27,2%)	Doanh nghiệp đường lớn nhất; WB nâng dự báo giá đường 2027 thêm 12% do El Niño → giá bán và biên gộp mảng đường cải thiện.	**Mạnh**
QNS	UPCoM	18,4	9,2	9T: 1.407 (+6,7%)	Mảng đường hưởng lợi giá cao; mảng sữa đậu nành chịu chi phí đậu tương tăng – hiệu ứng ròng tích cực.	**Trung bình**
LSS	HOSE	0,7	13,2	6T: 12 (−84,6%)	Nền lợi nhuận 2026 rất thấp; giá đường tăng tạo đòn bẩy lợi nhuận lớn nhất trong nhóm mía đường.	**Trung bình**
VSF	UPCoM	14,5	n/m	9T: 20 (+26,8%)	Vinafood 2 – nhà xuất khẩu gạo lớn; dự báo giá gạo 2027 được nâng 21%, Philippines duy trì nhập khẩu. Biên lợi nhuận mỏng → đòn bẩy cao nhưng rủi ro thực thi lớn.	**Trung bình**
PAN	HOSE	4,5	3,7	9T: 963	Hệ sinh thái nông nghiệp – thực phẩm (giống cây trồng NSC, hạt điều, thủy sản); giá lúa gạo cao kích thích nhu cầu giống và vật tư.	**Nhẹ**

Top 5 doanh nghiệp thiệt hại

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
DBC	HOSE	6,9	6,8	9T: 863 (−36,4%)	Thức ăn chăn nuôi chiếm ~60–70% giá thành chăn nuôi; ngô và khô đậu tương (ngũ cốc +9%, dầu & bột +8%) tăng trong khi giá lợn hơi đang giảm.	**Rất mạnh**
BAF	HOSE	12,2	117,6	6T: 310 (−9,7%)	Chăn nuôi lợn quy mô lớn, mua phần lớn thức ăn từ bên ngoài; P/E cao phản ánh lợi nhuận đang chịu áp lực chi phí.	**Mạnh**
KDC	HOSE	13,8	26,0	6T: 67 (+140%)	Dầu ăn (Tường An, Kido) chiếm tỷ trọng lớn; dự báo giá dầu cọ 2027 bị nâng 15% → biên gộp chịu áp lực.	**Mạnh**
VNM	HOSE	121,6	11,1	6T: 5.596 (+38,4%)	Sữa bột nhập khẩu, đường, thức ăn trang trại bò sữa đều tăng; vị thế dẫn đầu giúp chuyển một phần chi phí sang giá bán.	**Trung bình**
SAB	HOSE	55,0	11,5	6T: 2.352 (+17,5%)	Malt đại mạch (ngũ cốc +9%) và đường tăng giá; được bù trừ một phần nhờ giá nhôm vỏ lon hạ nhiệt.	**Nhẹ**

4.4. Kim loại và khoáng sản giảm nhẹ (chỉ số −3%)

Quặng sắt yếu, nhôm và thiếc hạ nhiệt tạo lợi thế cho **nhà sản xuất thép lò cao** và **nhà thầu hạ tầng**; doanh nghiệp **khai khoáng, thương mại thép** chịu nền so sánh cao và rủi ro giảm giá tồn kho.

Top 5 doanh nghiệp hưởng lợi

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
HPG	HOSE	175,2	7,6	6T: 15.365 (+102%)	Quặng sắt và than cốc giảm mở rộng chênh lệch giá thép – nguyên liệu; Dung Quất 2 tăng sản lượng HRC, thuế chống lẩn tránh với HRC Trung Quốc hỗ trợ giá bán nội địa.	**Mạnh**
VCG	HOSE	11,0	2,7	6T: 572 (+40,6%)	Nhà thầu đầu tư công lớn; giá thép, vật liệu hạ nhiệt giảm rủi ro chi phí hợp đồng trọn gói trong năm giải ngân cao điểm.	**Trung bình**
CTD	HOSE	7,6	9,7	6T: 266 (+2,7%)	Thép chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn xây dựng dân dụng – công nghiệp; biên gộp mỏng nên nhạy với chi phí vật liệu.	**Trung bình**
HHV	HOSE	5,5	8,3	6T: 325 (+17,3%)	Nhà đầu tư – thi công hạ tầng giao thông (BOT, cao tốc); chi phí vật liệu giảm cải thiện tổng mức đầu tư dự án mới.	**Nhẹ**
PNJ	HOSE	8,8	—	6T: 729 (−34,6%)	Giá vàng giảm nhẹ và bớt biến động kích cầu trang sức – mảng có biên gộp cao nhất; nền lợi nhuận 2026 thấp.	**Trung bình**

Top 5 doanh nghiệp thiệt hại

Mã	Sàn	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E (x)	LNST 2026 (tỷ đồng, % YoY)	Luận điểm tác động	Mức độ
KSV	HNX	34,1	9,7	6T: 2.391 (+184%)	Khai thác đồng, thiếc, kẽm, vàng; thiếc, kẽm và kim loại quý hạ nhiệt trên nền lợi nhuận 2026 tăng đột biến. Giá đồng neo cao bù trừ một phần.	**Mạnh**
MSR	UPCoM	75,6	16,5	9T: 4.350 (cùng kỳ lỗ 211)	Lợi nhuận 2026 bùng nổ nhờ chu kỳ giá khoáng sản đỉnh (vonfram, bismut, đồng tinh quặng); khoáng sản chiến lược ngoài phạm vi WB → rủi ro nền cao.	**Mạnh**
SMC	HOSE	0,7	2,2	6T: 44 (cùng kỳ lỗ 102)	Thương mại thép, tồn kho lớn: giá thép đi ngang/giảm gây lỗ giảm giá hàng tồn kho.	**Trung bình**
TLH	HOSE	0,4	31,8	6T: 15 (+89,6%)	Phân phối và gia công thép; biên mỏng, nhạy với giá bán và tồn kho.	**Nhẹ**
NKG	HOSE	6,0	35,9	6T: 127 (−19,5%)	Tôn mạ xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn: giá bán theo HRC thế giới giảm trước giá vốn, cộng áp lực phòng vệ thương mại tại EU, Mỹ.	**Nhẹ**

Nguồn: FiinX (vốn hóa, P/E TTM, LNST tại 28/10/2026); BSR – gặp gỡ nhà đầu tư 15/10/2026 (CafeF); TCBS (Jet A1, phân bón, 9/2026); VnExpress, Tin nhanh chứng khoán (hàng không); Vietcap, DSC, VCBS, VDSC (phân bón, BSR); Thời báo Tài chính Việt Nam (giá gạo). "n/m": không có ý nghĩa; "—": dữ liệu P/E chưa nhất quán, không sử dụng.

CHIẾN LƯỢC DANH MỤC GỢI Ý CHO NĂM 2027

- **Tăng tỷ trọng** nhóm "người dùng hàng hóa" có nền lợi nhuận 2026 thấp: HVN, VJC (giải ngân dần theo tốc độ thu hẹp crack spread), BMP, HPG.
- **Chốt lời từng phần** nhóm hưởng lợi đỉnh chu kỳ 2026: BSR, DPM, DCM, KSV – lợi nhuận 2027 nhiều khả năng giảm dù định giá P/E hiện tại thấp (bẫy giá trị chu kỳ).
- **Phòng thủ chọn lọc** với nông sản: ưu tiên đường (SBT, QNS) thay vì chăn nuôi (DBC, BAF) trong bối cảnh El Niño.
- **Điểm kích hoạt đảo chiều:** Brent > 100 USD/thùng kéo dài quá Quý I/2027 (kịch bản bất lợi) → đảo ngược toàn bộ luận điểm nhóm dầu khí – hàng không.

PHẦN 5 — GHI CHÚ PHƯƠNG PHÁP LUẬN & GIỚI HẠN DỰ BÁO

Nguồn dữ liệu chính

Phần 2: duy nhất tài liệu WB CMO 10/2026 (Executive Summary). Phần 3–4: FiinX, Cục Thống kê, CafeF, VnExpress, Tin nhanh chứng khoán, Thời báo Tài chính Việt Nam và báo cáo của các CTCK (Vietcap, TCBS, VNDirect, DSC, VCBS).

Cách ước tính tác động lên CPI

Tác động = quyền số nhóm hàng (năm gốc 2024) × giả định biến động giá bán lẻ trong nước của VBSE, cộng hiệu ứng gián tiếp (vòng hai). Quyền số nhiên liệu (~4%) là ước tính của thị trường do Cục Thống kê không công bố quyền số chi tiết cấp mặt hàng. Các khoảng ước tính phản ánh độ bất định về tỷ lệ truyền dẫn, chính sách thuế phí xăng dầu và diễn biến tỷ giá.

Giới hạn dữ liệu cần lưu ý

- CPI tháng 10/2026 chưa công bố tại ngày phát hành (lịch công bố 03/11/2026); rổ CPI được cập nhật đến số liệu tháng 9/2026.
- Bản tóm tắt WB không kèm bảng dự báo chi tiết theo mặt hàng (Table 1); các mức giá cụ thể ngoài phạm vi tóm tắt không được suy diễn.
- Kỳ lợi nhuận không đồng nhất (6T/9T) do thời điểm công bố BCTC Quý III/2026 khác nhau; số liệu 9T của BSR là ước tính của doanh nghiệp.
- Dữ liệu P/E và biến động giá từ đầu năm của PNJ trên FiinX có dấu hiệu chưa điều chỉnh theo sự kiện doanh nghiệp, nên không sử dụng.
- VBSE đã tiến hành đối chiếu chéo tối thiểu hai nguồn độc lập cho các số liệu trọng yếu (CPI, giá dầu, lợi nhuận BSR, DPM, DCM, HVN, VJC).

Giới hạn & tuyên bố từ chối trách nhiệm

Báo cáo này là TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁCH QUAN – tổng hợp dự báo của World Bank và đánh giá tác động tiềm năng của VBSE, KHÔNG phải khuyến nghị mua/bán/giữ bất kỳ cổ phiếu hoặc tài sản nào. Nhà đầu tư cần kết hợp với phân tích cơ bản riêng, khẩu vị rủi ro cá nhân và điều kiện thị trường thực tế khi đưa ra quyết định đầu tư. Các dự báo có thể thay đổi do diễn biến địa chính trị, thời tiết và chính sách điều hành.

PHẦN 6 — NGUỒN THAM KHẢO

[1] World Bank – Commodity Markets Outlook, October 2026, Executive Summary (tài liệu đính kèm).

[2] Cục Thống kê – Thông cáo báo chí tình hình giá tháng 9, Quý III và 9 tháng năm 2026: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2026/10/2.-Thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-gia-thang-9-quy-III-va-9-thang-nam-2026.pdf
[3] Cục Thống kê – Phương án điều tra giá tiêu dùng (CPI) 2025–2030, năm gốc 2024: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2026/01/DVG_Infographics-CPI-1.pdf
[4] VnEconomy – CPI được công bố sớm theo Nghị định 13/2026/NĐ-CP: https://vneconomy.vn/cong-bo-cpi-som-tao-du-dia-chu-dong-trong-kiem-soat-lam-phat.htm
[5] Tiền Phong – Trung ương thống nhất mục tiêu năm 2027 (CPI khoảng 4,5%): https://tienphong.vn/trung-uong-thong-nhat-muc-tieu-nam-2027-tang-truong-tu-10-tro-len-post1883518.tpo
[6] ADB – Asian Development Outlook September 2026, Việt Nam: https://www.adb.org/vi/where-we-work/viet-nam/economy
[7] CafeF – BSR ước lãi 9 tháng cao kỷ lục (16/10/2026): https://cafef.vn/bsr-uoc-lai-9-thang-cao-ky-luc-he-lo-ke-hoach-thoai-von-nha-nuoc-188261016092540928.chn
[8] VnExpress – Vietnam Airlines có thể lỗ trở lại vì giá nhiên liệu bay: https://vnexpress.net/vietnam-airlines-co-the-lo-tro-lai-vi-gia-nhien-lieu-bay-neo-cao-5074266.html
[9] Tin nhanh chứng khoán – Hàng không dưới áp lực chi phí: https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/hang-khong-duoi-ap-luc-chi-phi-post391460.html
[10] TCBS – Jet A-1 fuel price, Thematic report 9/2026: https://www.tcbs.com.vn/wp-content/uploads/2026/09/20260921_JetA1_Aviation_fuel_prices.pdf
[11] Doanh nhân – DCM, DPM lãi lớn nhờ xuất khẩu phân bón (12/10/2026): https://doanhnhanvn.vn/dcm-dpm-lai-lon-nho-xuat-khau-phan-bon-co-phieu-ve-vung-hap-dan.html
[12] Thời báo Tài chính Việt Nam – Giá gạo xuất khẩu tăng trước áp lực cung và thời tiết: https://thoibaotaichinhvietnam.vn/gia-gao-xuat-khau-tang-truoc-ap-luc-cung-va-thoi-tiet-202677-202677.html
[13] The Investor – Độ nhạy giá dầu lên lạm phát (Bộ trưởng Bộ Tài chính): https://theinvestor.vn/10-crude-oil-price-hike-could-trim-vietnams-growth-by-04-finance-minister-d18903.html
[14] FiinX MCP – Dữ liệu CPI, báo cáo tài chính, vốn hóa và P/E (truy xuất 28–29/10/2026).